***Ngày 30 tháng 08 năm 2024 Họ và tên giáo viên:* Nguyễn Thị Thu Cúc**

## Tổ chuyên môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - CN

BÀI 1: GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Môn học: KHTN; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 04 tiết ( từ tiết 1 đến tiết 4)

1. **MỤC TIÊU:**

# Về kiến thức:

* Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên.
* Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống.
* Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.
* Nêu được những đặc điểm để nhận biết vật sống.

# Về năng lực:

* + 1. **Năng lực chung**

- Năng lực tự học và tự chủ:

+ Chủ động, tích cực nhận nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

+ Tự quyết định cách thức thực hiện, phân công trách nhiệm cho các thành viên trong nhóm.

+ Tìm kiếm thông tin, tham khảo nội dung sách giáo khoa.

+ Tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện của các thành viên và nhóm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự.

+ Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

+ Hỗ trợ các thành viên trong nhóm cách thực hiện nhiệm vụ.

+ Ghi chép kết quả làm việc nhóm một cách chính xác, có hệ thống.

+ Thảo luận, phối hợp tốt và thống nhất ý kiến với các thành viên trong nhóm để cùng hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

# Năng lực khoa học tự nhiên

* Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên;
* Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát các hoạt động trong cuộc sống và nhận ra đâu là hoạt động nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu của chúng là gì; Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống trong tự nhiên.
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống.
	1. **Về** p**hẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
* Yêu nước, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu và sáng tạo để góp phần phát triển đất nước, bảo vệ thiên nhiên

*\* Tích hợp giáo dục môi trường:* Bảo vệ môi trường; Ứng phó với biến đổi khí hậu: Các hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên hướng đến việcbảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu: nghiên cứu lai tạo ra các giống cây trồng mới có năng suất cao hơn, khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệt tốt hơn.

* Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của người khác.
* Chăm chỉ, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Trung thực khi thực hiện các nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả.
1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**
* Phiếu học tập số 1, 2, 3 cho mỗi nhóm. - Giấy A0 cho mỗi nhóm 6 HS

- Hình ảnh 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 SGK.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

# Hoạt động 1: Xác định vấn đề: Tìm hiểu khái niệm, vai trò, các lĩnh vực chủ yếu và

**đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên** *(Dự kiến 15 phút)*

1. **Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề học tập là tìm hiểu khái niệm, vai trò, các

lĩnh vực chủ yếu và đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên.

# Nội dung:

* HS thảo luận nhóm theo tổ trong 3 phút về những vấn đề sau:

+ Tổ 1: Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có điện?

+ Tổ 2: Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có dự báo thời tiết?

+ Tổ 3: Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không phát hiện ra virus corona và vaxcin?

+ Tổ 4: Cuộc sống sẽ như thế nào nếu con người không biết gì về vũ trụ?

1. Sản phẩm: Phần trình bày của đại diện các nhóm HS:
* *Con người chỉ có thể làm việc vào ban ngày*
* *Các thiết bị điện tử, máy móc sẽ trở thành đồ phế thải*
* *Đường phố chỉ còn xe ngựa, xe thồ chạy bằng sức vật*

*-Việc liên lạc trở lên khó khăn hơn*

* *Cuộc sống sẽ trở nên nhàm chán hơn*

# Tổ chức thực hiện:

* ***GV giao nhiệm vụ học tập:*** GV thông báo nhiệm vụ thảo luận nhóm theo tổ trong 3 phút

về 4 vấn đề.

* ***Thực hiện nhiệm vụ:*** HS nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm, trình bày ra giấy nháp.
* ***Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện 4 tổ lần lượt lên báo cáo kết quả thảo luận.
* ***Kết luận, nhận định:*** GV dẫn dắt HS xác định vấn đề học tập: Từ cổ xưa cho đến ngày nay, con người luôn luôn tìm hiểu về thế giới tự nhiên, nhờ đó mà ta có được các thành tựu khoa học rất quan trọng để ứng dụng vào cuộc sống. Hoạt động đó được gọi là nghiên cứu khoa học tự nhiên, vậy khoa học tự nhiên là gì, bao gồm các lĩnh vực nào và đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên là gì?
	1. **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** *(Dự kiến 135 phút)*

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu khái niệm khoa học tự nhiên** *(Dự kiến 25 phút)*

# Mục tiêu:

* Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên
* Nhận biết được các hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên.

# Nội dung:

* HS yêu cầu HS thảo luận nhóm ***theo kĩ thuật khăn phủ bàn*** trong 5 phút hoàn thành PHT số 1: Thế giới tự nhiên xung quanh chung ta bao gồm các hiện tượng tự nhiên, các sự vật như động vật, thực vật,… và cả con người. Trong các hoạt động sau, đâu là hoạt động nghiên cứu về thế giới tự nhiên và đối tượng nghiên cứu của hoạt động đó là gì?



* HS trả lời câu hỏi:
1. Các hoạt động đó được gọi là hoạt động nghiên cứu Khoa học tự nhiên. Vậy em hiểu

Khoa học tự nhiên là ngành khoa học như thế nào?

1. Nhà khoa học là ai?
2. Phương pháp nghiên cứu chung của Khoa học tự nhiên là gì
3. Hãy tìm thêm ví dụ về những hoạt động được coi là nghiên khoa học tự nhiên và hoạt động

không phải nghiên cứu khoa học tự nhiên?

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời trong PHT số 1, có thể: (HS có thể khoanh tròn, gạch chân vào PHT hoặc kẻ bảng riêng) Hoạt động nghiên cứu thế giới tự nhiên và đối tượng của hoạt động đó là:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động nghiên cứu thế giới tự nhiên** | **Đối tượng của hoạt động** |
| Tìm hiểu vi khuẩn bằng kính hiển vi | vi khuẩn |
| Tìm hiểu vũ trụ | vũ trụ |
| Tìm kiếm và thăm dò dầu khí ở vùng biển Việt Nam | dầu khí ở vùng biển VN |
| Lai tạo giống cây trồng mới | các giống cây trồng mới |

1. Khoa học tự nhiên là ngành khoa học nghiên cứu các sự vật, hiện tượng của thế giới tự

nhiên và ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến cuộc sống của con người.

1. Nhà khoa học là những người chuyên nghiên cứu khoa học tự nhiên.
2. Phương pháp nghiên cứu chung của khoa học tự nhiên là tìm hiểu để khám phá những điều

mà con người còn chưa biết về thế giới tự nhiên, hình thành tri thức khoa học.

1. Đáp án câu hỏi, có thể:

– Những hoạt động được coi là nghiên cứu khoa học tự nhiên:

+ Nghiên cứu xử lý rác thải, ô nhiễm nước

+ Nghiên cứu, tìm ra vacxin phòng Covid – 19

+ Khám phá các thành phần trong lớp vỏ trái đất

+ Nghiên cứu sự sống trên các hành tinh khác

+ Nghiên cứu sự biến đổi chất trong tự nhiên

+ Hoạt động tìm ra giải pháp cải thiện tình trạng bạo lực học đường

– Những hoạt động không phải nghiên cứu khoa học tự nhiên:

+ Trồng cây gây rừng

+ Các hoạt động thường ngày như: ăn uống, ca hát, nhảy múa, tập thể dục thể thao

# Tổ chức thực hiện:

## GV giao nhiệm vụ học tập:

* HS đọc nội dung sách giáo khoa, quan sát H1.1 ***theo kĩ thuật khăn phủ bàn*** trong 5 phút để

hoàn thành phiếu học tập số 1

* HS hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi
* HS trao đổi cặp 2 phút tìm được ví dụ về những hoạt động được coi là nghiên khoa học tự nhiên và hoạt động không phải nghiên cứu khoa học tự nhiên .

## Thực hiện nhiệm vụ:

* HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận hoàn thành PHT số 1, hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi.
* GV quan sát và hỗ trợ HS trong quá trình HS thảo luận

## Báo cáo, thảo luận:

* GV gọi ngẫu nhiên 2 nhóm trình bày PHT số 1, các nhóm HS khác bổ sung thêm ý kiến.
* GV gọi cá nhân trả lời câu hỏi, nêu ví dụ

## Kết luận, nhận định:

* GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động nhóm theo rubric:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ****Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **1. Mức độ tập trung chú ý** | Chưa tập trung (lơ đãng, làm việc riêng) | Bình thường (Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ) | Cao (Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ. Tích cực phát biểu, tham gia hoạt động nhóm |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **2. Tham gia hoạt động nhóm** | Chưa tích cực (Không tham gia hoặc ít tham gia hoạt động của nhóm) | Tích cực, chưa hiệu quả (Tích cực tham gia hoạt động của nhóm nhưng đóng góp ý kiến chưa đúng) | Tích cực, hiệu quả (Hoàn thành tốt công việc được giao đóng góp ý kiến đúng) |
| **3. Kết quả hoạt động** | - Xác định đúng ít nhất 2 hoạt động nghiên cứu khoa họcvà chỉ ra được đối tượng nghiên cứu | - Xác định đúng 3 hoạt động nghiên cứu khoa học và chỉ ra được đối tượngnghiên cứu | - Xác định đúng 4 hoạt động nghiên cứu khoa học và chỉ ra được đối tượngnghiên cứu |

* GV đánh giá cho điểm câu trả lời của HS dựa trên mức độ chính xác so với các câu đáp án.

=> **KL**: *KHTN nghiên cứu các sự vật hiện tượng của thế giới tự nhiên. Các nhà khoa học tìm hiểu để khám phá những điều còn chưa biết về thế giới tự nhiên, nhằm phục vụ cuộc sống của con người.*

-**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống** *(Dự kiến 40 phút)*

# a) Mục tiêu:

* Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống.

# Nội dung:

* HS hoạt động cá nhân quan sát hình 1.2 SGK và cho biết những vai trò của khoa học tự

nhiên với cuộc sống con người.

* HS thảo luận nhóm trong 8 phút thực hiện nhiệm vụ trong PHT số 2: Hãy nêu tối thiểu 10 hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên và xác định lợi ích của chúng với cuộc sống con người bằng cách đánh dấu () vào cột tương ứng.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vai trò của****Hoạt khoa học động tự nhiên nghiên cứu****khoa học tự****nhiên** | **Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người** | **Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế** | **Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người** | **Bảo vệ môi trường; Ứng phó với biển đổi khí hậu** |
| 1…. |  |  |  |  |
| 2…. |  |  |  |  |
| 3…. |  |  |  |  |
| …... |  |  |  |  |

# Sản phẩm:

Câu trả lời trong PHT số 2, có thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vai trò của****Hoạt khoa học động tự nhiên nghiên cứu****khoa học tự nhiên** | **Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người** | **Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế** | **Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người** | **Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu** |
| 1. Tìm hiểu vi khuẩn |  |  |  |  |
| 2. Tìm hiểu vũ trụ |  |  |  |  |
| 3. Tìm kiếm và thăm dò dầukhí ở vùng biển VN |  |  |  |  |
| 4. Nghiên cứu xử lí ô nhiễm nước |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5. Nghiên cứu, sáng tạo ra điện thoại thông minh |  |  |  |  |
| 6. Nghiên cứu chế tạo vacxin phòng Covid - 19 |  |  |  |  |
| 7. Nghiên cứu phương pháp phẫu thuật nội soi giúp giảm đau, nhanh hồi sức |  |  |  |  |
| 8. Sáng chế các loại máy móc dựa trên công nghệ hiện đại giúp giảm thiểu sức lao động |  |  |  |  |
| 9. Nghiên cứu các loại nông sản mang lại năng suất cao (dưa hấu, ổi không hạt, giống lúa chịu hạn, chịu mặn,...) |  |  |  |  |
| 10. Nghiên cứu sự sống trêncác hành tinh khác |  |  |  |  |
| ............................................. |  |  |  |  |

# Tổ chức thực hiện:

## GV giao nhiệm vụ học tập:

* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân quan sát hình 1.2 SGK nêu vai trò của KHTN trong đời sống
* GV yêu cầu HS HS hoạt động nhóm trong 8 phút thực hiện nhiệm vụ trong PHT 2 (PHT cỡ

A0).

## Thực hiện nhiệm vụ:

* HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi 1
* HS thảo luận nhóm hoàn thiện PHT số 2.

## Báo cáo, thảo luận:

* HS nêu vai trò của KHTN trong đời sống. Các HS khác nhận xét, bổ sung
* Đại diện 1 nhóm HS nêu được nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học nhất lên trình bày kết quả PHT số 2, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
* GV quan sát và hỗ trợ HS (nếu cần).

## Kết luận, nhận định:

* GV nhận xét, tổng hợp các ý kiến của HS và chốt kiến thức về vai trò của khoa học tự nhiên

với cuộc sống con người dưới dạng sơ đồ tư duy.



* ***​KL:*** *Vai trò của KHTN trong đời sống:*

*+ Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người*

*+ Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế*

*+ Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người*

*+ Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu*

* *Tích hợp giáo dục môi trường:* Vai trò Bảo vệ môi trường; Ứng phó với biến đổi khí hậu: Các hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên hướng đến việcbảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu: nghiên cứu lai tạo ra các giống cây trồng mới có năng suất cao hơn, khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệt tốt hơn.

# Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên *(Dự kiến 40 phút)*

1. **Mục tiêu:**
* Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.
* Nhận biết được các hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên đúng với các lĩnh vực của khoa

học tự nhiên

# Nội dung:

* HS quan sát hình 1.3 thảo luận nhóm 6 HS trong 8 phút trả lời câu hỏi bằng cách trình bày ra giấy A0:
1. Khoa học tự nhiên gồm có những lĩnh vực vào và đối tượng nghiên cứu của mỗi lĩnh vực đó là gì?
2. Lấy 3 ví dụ về đối tượng nghiên cứu cho mỗi lĩnh vực khoa học tự nhiên.
3. **Sản phẩm:** Bài trình bày của HS ra giấy A0, có thể dùng cách liệt kê hoặc sơ đồ tư duy,

sơ đồ cây, kẻ bảng.

Nội dung dự kiến:

* 1. Khoa học tự nhiên gồm 5 lĩnh vực, có thể chia thành 2 nhóm:

- Khoa học về vật chất:

+ Vật lí: nghiên cứu về vật chất, năng lượng và sự vận động của chúng trong tự nhiên.

+ Hóa học: nghiên cứu về các chất và sự biến đổi các chất trong tự nhiên.

+ Thiên văn học: nghiên cứu về vũ trụ, hành tinh và các ngôi sao.

+ Khoa học Trái Đất: nghiên cứu về Trái Đất – ngôi nhà chung của chúng ta.

* Khoa học về sự sống:

+ Sinh học: nghiên cứu các sinh vật và sự sống trên Trái Đất.

* 1. Ví dụ về đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực:
* Vật lí: dòng điện, tương tác giữa nam châm, lực,…
* Hóa học: chất cấu tạo nên than đá, sự biến đổi chất khi đun nóng đường, cấu trúc của hạt muối,…
* Thiên văn học: ngân hà, mặt trời, mặt trăng,…
* Khoa học Trái Đất: Hình dạng trái đất, bầu khí quyển, động đất,…
* Sinh học: vi khuẩn, rêu, loài chim,…

# Tổ chức thực hiện:

***\* GV giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS quan sát hình 1.3 hoạt động nhóm 6 HS trong 8 phút thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu các lĩnh vực của khoa học tự nhiên bằng cách trả lời 2 câu hỏi, trình bày ra giấy khổ A0:

## 1\* Thực hiện nhiệm vụ:

* HS quan sát hình ảnh, thảo luận thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ.
* GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).

## \* Báo cáo, thảo luận:

* GV gọi ngẫu nhiên 2 nhóm treo kết quả thảo luận lên bảng, đại diện 1 nhóm trong 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét bài trình bày và bài còn lại trên bảng.

## \* Kết luận, nhận định:

* GV nhận xét, tổng hợp các ý kiến của HS và và chính xác hóa kiến thức về các lĩnh vực của khoa học tự nhiên và đối tượng nghiên cứu tương ứng.
* ***​KL:*** *Khoa học tự nhiên gồm 5 lĩnh vực, có thể chia thành 2 nhóm: Khoa học về vật chất:*

*+ Vật lí: nghiên cứu về vật chất, năng lượng và sự vận động của chúng trong tự nhiên.*

*+ Hóa học: nghiên cứu về các chất và sự biến đổi các chất trong tự nhiên.*

*+ Thiên văn học: nghiên cứu về vũ trụ, hành tinh và các ngôi sao.*

*+ Khoa học Trái Đất: nghiên cứu về Trái Đất – ngôi nhà chung của chúng ta.*

*Khoa học về sự sống:*

*+ Sinh học: nghiên cứu các sinh vật và sự sống trên Trái Đất.*

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về vật sống, vật không sống** *(Dự kiến 30 phút)*

# Mục tiêu:

* Nêu được những đặc điểm để nhận biết vật sống.
* Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống trong khoa học tự nhiên.

# Nội dung:

* HS vận dụng kiến thức thực tiễn trả lời con chó thật, con chó nhồi bông có thể làm được gì?

→ Khái niệm vật sống và vật không sống?

* HS trao đổi cặp 2 phút: Quan sát hình 1.4 SGK, xác định những vật đó là vật sống hay vật

không sống.

* HS quan sát hình 1.5 và cho biết những đặc điểm giúp em nhận biết vật sống?
* HS thảo luận nhóm 5 phút hoàn thành PHT số 3: Hãy lấy ví dụ về vật sống và vật không sống trong tự nhiên và đánh dấu () vào những đặc điểm để nhận biết vật đó là sống hay không sống.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật trong tự nhiên** | **Xếp loại** | **Đặc điểm nhận biết** |
| **Vật sống** | **Vật****không sống** | **Thu nhận chất cần thiết** | **Thải bỏ chất thải** | **Vận động** | **Lớn****lên** | **Sinh****sản** | **Cảm ứng** | **Chết** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .............. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# Sản phẩm:

* Chó thật: đi, sửa, ăn uống,....
* Chó nhồi bông: Không có các hoạt động đó

**→** Vật sống (hữu sinh) là các vật mang đặc điểm của sự sống. Vật không sống (vô sinh) là các

vật không mang đặc điểm của sự sống

* Vật sống: Con cá, con sếu, cây đậu, con sứa. Vật không sống: Chiếc cốc, xe đạp, đôi giày
* Đặc điểm nhận biết vật sống: Thu nhận chất cần thiết, thải bỏ chất thải, vận động, lớn lên, sinh sản, cảm ứng, chết

Câu trả lời trong PHT 3, có thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật trong tự nhiên** | **Xếp loại** | **Đặc điểm nhận biết** |
| **Vật sống** | **Vật không sống** | **Thu nhận chất cần thiết** | **Thải bỏ chất thải** | **Vận động** | **Lớn****lên** | **Sinh****sản** | **Cảm ứng** | **Chết** |
| 1. Con gà |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Consếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Câyđậu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4. Consứa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5. Chiếc cốc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6. Đôigiày |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7. Xeđạp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8. Con cá |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .............. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# Tổ chức thực hiện:

## \* GV giao nhiệm vụ học tập:

* GV yêu cầu HS:

+ HS vận dụng kiến thức thực tiễn trả lời câu hỏi → nêu khái niệm vật sống và vật không

sống?

+HS trao đổi cặp 2 phút: Quan sát hình 1.4 SGK, xác định những vật đó là vật sống hay vật

không sống.

+ HS quan sát hình 1.5 và cho biết những đặc điểm giúp em nhận biết vật sống?

+HS thảo luận nhóm 5 phút hoàn thành PHT số 3

## Thực hiện nhiệm vụ:

* HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi
* HS thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 3
* GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).

## Báo cáo, thảo luận:

* Cá nhân trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.
* Đại diện 1 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận nhóm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

## Kết luận, nhận định:

* GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS dựa trên mức độ chính xác so với các câu đáp án.
* GV chốt kiến thức

## KL:

***+*** *Vật sống (hữu sinh) là các vật mang đặc điểm của sự sống. Vật không sống (vô sinh) là các*

*vật không mang đặc điểm của sự sống*

*VD Vật sống: Con cá, con sếu, cây đậu, con sứa. Vật không sống: Chiếc cốc, xe đạp, đôi giày/*

* *Đặc điểm nhận biết vật sống: Thu nhận chất cần thiết, thải bỏ chất thải, vận động, lớn lên, sinh sản, cảm ứng, chết*
* *Tích hợp giáo dục môi trường:* Bảo vệ môi trường; Ứng phó với biến đổi khí hậu: Các hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên hướng đến việcbảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu: nghiên cứu lai tạo ra các giống cây trồng mới có năng suất cao hơn, khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệt tốt hơn.
* Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của người khác.
* Chăm chỉ, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Trung thực khi thực hiện các nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả.
	1. **Hoạt động 3: Luyện tập** *(Dự kiến 20 phút)*

# Mục tiêu:

* HS vận dụng các kiến thức đã học về vai trò, các lĩnh vực chủ yếu và đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên giải quyết các tình huống có liên quan đến nội dung bài học.
* Phát triển năng lực giải quyết vấn đề
1. **Nội dung:** HS ghi nhớ lại kiến thức, thảo luận giải quyết tình huống, một số bài tập:

**Bài tập 1.** Bạn Vy cùng bạn Khang chơi thả diều.

1. Hoạt động chơi thả diều có phải là nghiên cứu khoa học tự nhiên không?
2. Theo em, người ta đã nghiên cứu và vận dụng sự hiểu biết nào trong tự nhiên để tạo ra con

diều trong trò chơi?

**Bài tập 2.** Ngày nay, người ta đã sản xuất nhiều xe máy điện để phục vụ đời sống của con người.

1. Theo em, việc sửa chữa xe máy điện có phải là nghiên cứu khoa học tự nhiên không?
2. Việc sản xuất xe máy điện là ứng dụng thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?
3. Sử dụng xe máy điện có gây ô nhiễm môi trường không?

**Bài tập 3:** Em có thể phân biệt khoa học về vật chất (vật lí, hóa học,...) và khoa học về sự sống

(sinh học) dựa vào sự khác biệt nào?

**Bài tập 4:** Vật nào sau đây gọi là vật không sống?

A. Côn trùng B. Con gà C. Than củi D. Cây hoa

**Bài tập 5:** Hãy đánh dấu "" vào bảng ví dụ về đối tượng nghiên cứu của các lĩnh vực Khoa

học tự nhiên?

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Đối tượng nghiên cứu*** | ***Vật lí*** | ***Hóa học*** | ***Sinh học*** | ***Thiên văn học*** | ***Khoa học******trái đất*** |
| Năng lượng điện |  |  |  |  |  |
| Tế bào |  |  |  |  |  |
| Mặt trăng |  |  |  |  |  |
| Trái Đất |  |  |  |  |  |
| Con người |  |  |  |  |  |
| Âm thanh |  |  |  |  |  |
| Kim loại |  |  |  |  |  |
| Sao chổi |  |  |  |  |  |

1. **Sản phẩm:** Kết quả thảo luận của HS:

# Bài tập 1:

1. Hoạt động thả diều chỉ là một hoạt động vui chơi, thể thao bình thường; không phải là hoạt động nghiên cứu khoa học.
2. Người ta đã nghiên cứu và vận dụng sự hiểu biết về quá trình bay lượn của chim và sức đẩy của gió để sáng tạo nên trò chơi thả diều.

# Bài tập 2:

1. Theo em, việc sửa chữa xe máy điện không phải là nghiên cứu khoa học tự nhiên.
2. Việc sản xuất xe máy điện là ứng dụng thuộc lĩnh vực vật lý và hóa học của khoa học tự

nhiên

+ Vật lý nghiên cứu cơ chuyển động

+ Hóa học nghiên cứu cơ chế tích điện vào ắc quy cho xe vận hành

1. Sử dụng xe máy điện sẽ phần nào hạn chế được khói bụi. Bên cạnh đó, ắc quy của xe máy điện khi loại thải mà không được xử lí đúng cách cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường nặng nề. **Bài tập 3:** Có thể dựa vào đối tượng nghiên cứu để phân biệt khoa học về vật chất và hoa học về sự sống.
	* Đối tượng nghiên cứu của khoa học về sự sống là các vật sống.
	* Đối tượng nghiên cứu của khoa học về vật chất là các vật không sống

**Bài tập 4:** Đáp án C

**Bài tập 5:** Các đối tượng nghiên cứu thuộc các lĩnh vực:

+ Năng lượng điện, âm thanh: Vật lí

+ Kim loại: Hóa học

+ Tế bào, con người: Sinh học

+ Mặt trăng, sao chổi: Thiên văn học

+ Trái đất: Khoa học trái đất.

# Tổ chức thực hiện:

* ***GV giao nhiệm vụ học tập:*** GV đưa ra các tình huống, một số bài tập, yêu cầu HS thảo luận đưa ra đáp án.

## Thực hiện nhiệm vụ:

* + HS tiếp nhận nhiệm vụ, hình thành nhóm, phân công nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.

## Báo cáo, thảo luận:

* + GV gọi 1 số nhóm báo cáo kết quả thực hiện, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
* ***Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, bổ sung, đánh giá cho điểm câu trả lời của HS dựa trên

mức độ chính xác so với các câu đáp án.

* 1. **Hoạt động 4: Vận dụng** *(Dự kiến 10 phút)*
1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
2. **Nội dung:** Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về 1 thành tựu khoa học hoặc sự phát triển nhờ khoa học công nghệ của các lĩnh vực mà em quan tâm như: giao thông vận tải, du hành vũ trụ, thông tin liên lạc, y tế,… Chia sẻ với các bạn khác qua “Góc học tập” của lớp.

# Sản phẩm:

- Tranh ảnh, tài liệu, thông tin tóm tắt của một thành tựu nghiên cứu khoa học tự nhiên hoặc sự phát triển nhờ khoa học công nghệ của một lĩnh vực trong cuộc sống.

# Tổ chức thực hiện:

* ***GV giao nhiệm vụ học tập:*** GV thông báo nhiệm vụ về nhà, thực hiện theo cá nhân HS: Tìm hiểu thông tin về một thành tựu của nghiên cứu khoa học tự nhiên mà em biết, hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về sự phát triển nhờ khoa học công nghệ của các lĩnh vực mà em quan tâm như: giao thông vận tải, du hành vũ trụ, thông tin liên lạc, y tế,… Chia sẻ với các bạn khác qua “Góc học tập” của lớp vào tiết sau
* ***Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học
* ***Báo cáo, thảo luận:*** Báo cáo nhiệm vụ bằng tranh ảnh, tài liệu, văn bản tóm tắt nộp vào Góc học tập của lớp.
* ***Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS .

## Tổ trưởng/ Tổ phó Giáo viên bộ môn

******

Ký bởi: Lê Thị Mỹ Châu

Thời gian ký: 04/09/2024 09:41:26

***Nguyễn Thị Thu Cúc***